

Bản án số 604/2024/HS-PT
Ngày 30 tháng 12 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường, ông Trần Quốc Cường

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Xuân Lộc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Đặng Thọ Định - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 502/2024/TLPT-HS ngày 03/10/2024 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2024/HS-ST ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2150/2024/QĐXXPT-HS ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với:

Bị cáo: **Vương Hùng T**, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1976 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: **thôn Y, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vương Huy T1** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị N**; có vợ là **Nguyễn Thị H** và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2024 đến ngày 19/3/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:*

Từ đầu năm 2022 đến tháng 01/2024, **Vương Hùng T** đến thuê trọ tại khu vực **đường Đ, phường T, TP ., Gia Lai** và hoạt động cho vay lãi nặng trên địa bàn **thành phố P**, với lãi suất cao hơn quy định của pháp luật, **T** cho vay tiền lãi suất cao với hai hình thức như sau:

- Hình thức trả góp trong 21 ngày, ví dụ: Cứ cho vay 10 triệu trả thì góp trong 21 ngày, mỗi ngày trả góp 600.000 đồng; tương ứng với mức lãi suất 452% /năm.

- Hình thức cho vay tiền đứng (chỉ phải trả lãi hàng ngày, đến thời hạn thỏa thuận thì trả gốc) với lãi suất đa dạng: Vay 10 triệu mỗi ngày trả 200.000 đồng tiền lãi (tương ứng lãi suất 730%/năm); vay 10 triệu mỗi ngày trả 400.000 đồng tiền lãi (tương ứng lãi suất 1.460%/năm), vay 05 triệu mỗi ngày trả 300.000 đồng tiền lãi

(tương ứng lãi suất 2.190%/năm). Để cho vay và thu tiền hàng ngày, **Vương Hùng T** sử dụng tài khoản cá nhân số: 1976121288888 mở tại **Ngân hàng thương mại cổ phần Q (MB)**. Thuần quảng cáo trên mạng xã hội Facebook, thả tờ rơi có số điện thoại là: 0943.097.568 và số 0916.51.32.36 (đăng ký chính chủ **Vương Hùng T**), ngoài ra **T** còn dùng nhiều số điện thoại khác (sim rác) để gọi đòi nợ, quảng cáo cho vay trên địa bàn **TP ., Gia Lai**.

Quá trình hoạt động cho vay, **Vương Hùng T** cho bà **Lê Thị M** (địa chỉ: **Thôn A, xã C, P, Gia Lai**) và bà **Lê Thị Xuân T2** (địa chỉ: **Làng N, T, TP .**) vay tiền nhiều lần với hai hình thức là vay trả góp và vay tiền đứng như nêu trên, cụ thể:

*** Đối với bà Lê Thị M:**

Từ tháng 3/2022 đến nay, bà **Lê Thị M** vay rồi trả khoảng 30 lần vay với hai hình thức vay như đã nêu ở trên. Số tiền lãi mà bà **M** phải trả đối với khoản vay góp là 76.225.397 đồng và tiền phí tiền trả góp là 4.800.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính tiền vay góp là 78.176.397 đồng. Đối với khoản vay đứng, Bà **M** phải trả tổng số tiền lãi tiền đứng là 166.550.000 đồng và trả thêm tiền phí tiền vay đứng là 20.250.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay đối với khoản vay đứng là 182.130.500 đồng.

Tổng số tiền **Vương Hùng T3** thu lợi bất chính đối với các khoản vay đối với bà **M** là 260.306.897 đồng.

Tính đến ngày 22/01/2024, bà **M** còn nợ **T** số tiền 45.000.000 đồng vay tiền đứng. Việc vay và trả tiền thực hiện chủ yếu bằng chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng.

*** Đối với bà Lê Thị Xuân T2:**

Từ khoảng đầu tháng 02/2023, bà **T2** đã vay các hình thức như sau:

- Vay trả góp 15.000.000 đồng trong 21 ngày và đáo hạn 06 lần, số tiền bà **T2** phải trả lãi là 20.057.443 đồng, phí trả góp là: 5.400.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính vay trả góp là 25.011.643 đồng. Hiện nay, bà **T2** còn nợ **T** 11.957.443 đồng tiền gốc.

- Vay tiền đứng tổng cộng vay 08 lần với số tiền gốc là 45.000.000 đồng, đã trả 30.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi và phí là: 26.800.000 đồng. Bà **T2** còn nợ Thuần 15.000.000đ. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính đối với khoản vay đứng là 26.503.000 đồng.

Tổng số tiền **Vương Hùng T** thu lợi bất chính đối với các khoản vay của bà **Lê Thị Xuân T2** là 51.514.643 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà **T** thu lợi bất chính từ việc cho bà **Lê Thị M** và bà **Lê Thị Xuân T2** vay là: 311.821.540 đồng và mức lãi suất các lần cho vay từ 452%/năm đến 2190%/năm.

Quá trình hoạt động cho vay lãi nặng trên địa bàn **thành phố P, tỉnh Gia Lai**, **Vương Hùng T** thực hiện một mình, không góp vốn, không thuê ai và không có ai cùng tham gia. Quá trình điều tra, **Vương Hùng T** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với tài liệu, chứng cứ và lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

* *Vật chứng thu giữ*: Quá trình bắt giữ đối tượng đã thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Samsung S10 có số IMEIL 352338106823121, gắn sim số 0943097568 của bị can **Vương Hùng T**.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 84/2024/HS-ST ngày 19/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Vương Hùng T** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Vương Hùng T** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời hạn bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2024 đến ngày 19/3/2024.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

- Buộc bị cáo **Vương Hùng T** nộp lại số tiền 26.303.557 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm lẻ ba nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng); bà **Lê Thị M** nộp lại số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) và bà **Lê Thị Xuân T2** nộp lại số tiền 26.957.443 đồng (Hai mươi sáu triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng) để sung ngân sách nhà nước;

- Buộc bị cáo **Vương Hùng T** phải trả cho bà **Lê Thị M** số tiền 260.306.897 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu ba trăm lẻ sáu nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng) và bà **Lê Thị Xuân T2** số tiền 51.514.643 đồng (Năm mươi một triệu năm trăm mười bốn nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng).

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung ngân sách nhà nước:

01 (Một) điện thoại di động hiệu **S S10** (không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong của máy)

Vật trên có đặc điểm ghi tại biên bản bàn giao vật chứng số 116/2024 lập ngày 12/6/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh B** và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo **Vương Hùng T** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm bồi thường dân sự, nghĩa vụ thi hành án và án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 20/8/2024 bị cáo **Vương Hùng T** kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **T** giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ kết quả xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa xét thấy:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo **Vương Hùng T** thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định đó là để có tiền tiêu xài cá nhân, từ đầu năm 2022 đến tháng 01/2024, **Vương Hùng T** từ Thanh Hóa chuyển đến thuê trọ tại khu vực **đường Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai** và hoạt động cho vay lãi nặng trên địa bàn **thành phố P**. Quá trình hoạt động, **T** đã sử dụng số tiền 90.000.000 đồng tiền gốc cho bà **Lê Thị M** và bà **Lê Thị Xuân T2** vay tiền nhiều lần theo 02 hình thức (trả góp và cho vay tiền đúng) với mức lãi suất từ 452%/năm đến 2190%/năm, bị cáo thu lợi bất chính tổng số tiền 311.821.540 đồng. Do **T** thực hiện hành vi phạm tội nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Thuần phạm vào “*Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng tội danh, đúng khung hình phạt, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Hành vi của bị cáo **T** xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, xâm phạm lợi ích của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương, nhưng bị cáo phạm vào tội có tính chất ít nghiêm trọng;

[3.2] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo cho 02 người vay tiền, thu lợi bất chính mỗi người trên 30.000.000 đồng nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tham gia và hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ quân sự được tặng bằng khen nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về hình phạt: Bị cáo bị xử phạt 06 tháng tù, mức khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết để cải tạo giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung. Xét, kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thấy bị cáo phạm tội nhiều lần nên không đủ điều kiện cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 02/2028/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 và điểm 4.5 Điều 3 Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp

luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 84/2024/HS-ST ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, như sau:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Vương Hùng T** 06 (sáu) tháng tù về “*Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2024 đến ngày 19/3/2024.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo **Vương Hùng T** phải chịu 200.000 đồng án phí HSPT.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo Thuần (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Đặng Kim Nhân